***Họ và tên****: ……………………………………* ***SBD****……* ***Phòng thi*** *……...............*

***Lớp****: ……………………* ***Giám thị*** *………… ….**………………………………….*

**MÃ PHÁCH :**

**TRƯỜNG TH…… MÃ PHÁCH:**

……. *ngày tháng năm 2023*

ĐIỂM

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I -NĂM HỌC 2023 - 2024**

**MÔN TIẾNG VIỆT- LỚP 3**

( Thời gian 40 phút )

**PHẦN I: KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)**

1. **Đọc thành tiếng (4 điểm)**

**1- Hình thức kiểm tra:** Học sinh bắt thăm phiếu (do giáo viên chuẩn bị) để chọn bài đọc.

**2 - Nội dung kiểm tra:** Học sinh đọc một đoạn văn hoặc thơ (khoảng 75 tiếng) trong các bài tập đọc từ tuần 1 đến tuần 16; sau đó trả lời 1 câu hỏi liên quan đến nội dung đoạn vừa đọc.

**II. Đọc thầm và làm bài tập (6 điểm)**

**Cứu hộ trên biển**

Đêm đó, gió thổi dữ dội, bầu trời tối đen như mực. Cơn bão với sức gió rất mạnh đã lật úp một chiếc tàu đánh cá ngoài khơi. Trước khi tàu bị chìm, các thủy thủ đã kịp phát tín hiệu cấp cứu. Nhận được tin khẩn, đội trưởng đội tàu cứu hộ đã nhanh chóng rung chuông báo động, tất cả mọi người dân vội tập trung tại bãi cát.

Một giờ sau, tàu cứu hộ lờ mờ xuất hiện trong màn sương mù. Người dân làng chài vui mừng chạy ra chào đón. Tàu cứu hộ đã cứu được gần như tất cả mọi người gặp nạn nhưng có một vài người tình nguyện ở lại trên biển vì con tàu đã quá tải. Nếu chở thêm họ, có thể tàu sẽ bị chìm. Thuyền trưởng cuống cuồng kêu gọi một đội tình nguyện khác đến ứng cứu những người bị bỏ lại ở biển. Cậu bé Han 14 tuổi có anh trai còn đang trên biển bước tới tình nguyện tham gia. Mẹ cậu vội níu tay cậu, nói với giọng van xin rằng cha cậu đã chết trong một vụ đắm tàu cách đây 10 năm, anh trai cậu còn chưa biết sống chết ra sao và cậu là tất cả những gì còn lại của bà. Nhưng Han vẫn quyết tâm ra đi vì anh cậu đang đối mặt với nguy hiểm, chỉ chờ người ứng cứu. Hơn một giờ sau cậu sung sướng báo tin cho mẹ đã tìm thấy mọi người trong đó có cả anh trai cậu.

**Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1**: (M1) Chiếc tàu đánh cá gặp phải chuyện gì? (0.5đ)

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bị va vào đá ngầm. | B. Bị thủng đáy. |
| C. Bị bão đánh lật úp. | D. Bị mắc kẹt trên một hòn đảo. |

**Câu 2**: (M1) Tàu cứu hộ đã cứu được những ai? (0.5đ)

A. Tất cả mọi người gặp nạn.

B. Tất cả phụ nữ gặp nạn.

C. Tất cả trẻ em và phụ nữ gặp nạn.

D. Gần như tất cả mọi người gặp nạn, còn một vài người tình nguyện ở lại trên biển vì tàu quá tải.

**Câu 3**: (M2) Vì sao cậu bé Han tình nguyện tham gia đội cứu hộ? (0.5đ)

A. Vì cậu thích mạo hiểm.

B. Vì ở đó có anh trai cậu.

C. Vì cậu muốn khẳng định bản thân mình.

D. Vì cậu muốn cứu tất cả mọi người tình nguyện ở lại trên biển trong đó có anh trai cậu đang gặp nguy hiểm.

**Câu 4**: (M3) Cậu bé Han trong câu chuyện là người như thế nào? (0.5đ)

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 5**: (M2) Chọn các câu ở cột A với kiểu câu tương ứng ở cột B: (1đ)

B

A

1. Anh của Han đã gặp chuyện gì?

a. Câu kể

2. Cơn bão với sức gió rất mạnh đã lật úp một chiếc tàu đánh cá ngoài khơi.

b. Câu hỏi

4. Những tia chớp cùng những tiếng nổ thật kinh hoàng!

3. Mẹ hãy để con tham gia tình nguyện!

c. Câu cảm

d. Câu khiến

**Câu 6**: (M2) Đặt dấu câu thích hợp vào ô trống (1đ)

Từ ban công phòng mình, Hòa nhìn thấy được cả một thế giới hoa nhà mình cúc thược dược hồng nhung cát cánh,….

**Câu 7**:(M1) Câu nào chỉ gồm những từ ngữ về thư viện? (0.5đ)

A. Người đọc, sách, báo, học sinh, thủ thư, giá sách.

B. Người mượn, người đọc, truyện, mượn sách, cô giáo.

C. Thẻ thư viện, tìm sách, trả sách, báo, thủ thư, người đọc.

**Câu 8:** (M3) Đặt câu có hình ảnh so sánh (1đ):

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Câu 9:** (M2) Câu nào gồm các từ chỉ đặc điểm (0.5đ):

A. Long lanh, ngọt lịm, lo lắng, cầu vồng, voi con.

B. Vàng óng, bé xíu, dẻo dai, hiền lành, lấp lánh.

C. Ồn ào, náo nhiệt, ấm áp, cắt tỉa, hạt mưa.

**B. PHẦN KIỂM TRA VIẾT (10đ):**

**I. Chính tả** (4đ):

**Nắng trưa**

Nắng cứ như từng dòng lửa xối xuống mặt đất. Buổi trưa ngồi trong nhà nhìn ra sân thấy rõ những sợi không khí nhỏ bé, mỏng manh, nhẹ tênh, vòng vèo lượn từ mặt đất bốc lên, bốc lên mãi. Tiếng gì xa vắng thế? Tiếng võng kẽo kẹt kêu buồn buồn từ nhà ai vọng lại. Thỉnh thoảng câu hát ru em cất lên từng tiếng ạ ời.

**II. Tập làm văn** (6đ):

Viết đoạn văn tả ngôi nhà của em.

**Đáp án**

**II. Đọc thầm và làm bài tập (6 điểm)**

Câu 1: C

Câu 2: D

Câu 3: D

Câu 4: Cậu bé Han là một người dũng cảm, yêu thương mọi người, yêu thương người thân của mình sẵn sàng xả thân cứu người.

Câu 5: 1-b, 2-a, 3-d, 4-c

Câu 6: Từ ban công phòng mình, Hòa nhìn thấy được cả một thế giới hoa nhà mình : cúc , thược dược , hồng nhung , cát cánh,….

Câu 7: C

Câu 8:

Câu 9: B

**MA TRẬN NỘI DUNG CHỦ ĐỀ MẠCH KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA TV CUỐI KỲ 1 – LỚP 3. NĂM HỌC 2023 – 2024**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BÀI KT | MẠCH KIẾN THỨC, KỸ NĂNG | | MỨC ĐỘ NHẬN THỨC | THỜI GIAN | TỔNG ĐIỂM |
|
| Bài kiểm tra đọc | Đọc thành tiếng | Đọc thành tiếng | Các văn bản trong SGK từ tuần 1 đến hết tuần 17. | 70 TIẾNG/ PHÚT | 4 điểm |
| - HS đọc 1 đoạn văn khoảng 70 tiếng + TLCH về nội dung đoạn đọc |
| - Cho điểm |
| + Đọc đủ nghe, rõ ràng, tốc độc đọc đạt yêu cầu:1,5đ + đọc đúng tiếng, từ : 1đ( sai 4 tiếng trừ 1đ, sai 1 tiếng trừ 0,25đ) |
|
| + Ngắt nghỉ đúng ở dấu câu, cụm từ rõ nghĩa: 1đ  + Trả lời đúng câu hỏi: 0,5đ |
| Đọc hiểu | Đọc hiểu văn bản | 1 văn bản ( ngoài SGK) dài khoảng 150 chữ | 30 phút | 2 điểm |
| Cho dạng câu hỏi trắc nghiệm ( gồm 3 - 4 phương án trả lời để HS chọn 1 phương án trả lời đó là câu hỏi điền ngắn, câu hỏi nối cặp đôi, câu hỏi đúng sai phức hợp, …) và tự luận. |
| KT Tiếng Việt | 4 điểm |
|
| Bài kiểm tra viết | Viết | Chính tả | HS viết khoảng 65 chữ ( Một đoạn văn hoặc một đoạn thơ ( ngoài SGK) phù hợp với chủ điểm đã học) | 15 phút | 4 điểm |
| - Cho điểm: + Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 0,5 điểm |
| - Đúng tốc độ, đúng chính tả: 3 điểm |
| - Trình bày sạch đẹp: 0,5 điểm |
| - Lưu ý: 1 lỗi trừ 0,25 điểm |
| - Những lỗi sai giống nhau trừ 1 lần điểm |
| Tập làm văn | - Học sinh viết đoạn văn ngắn (3 -5 câu) theo yêu cầu của đề bài thuộc nội dung chương trình đã học: | 25 phút | 6 điểm |
| + Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người mà em yêu quý |
| + Viết đoạn văn tả ngôi nhà của mình |
| + Viết đoạn văn tả đồ vật |
|  |
| \*Cho điểm: |
| + Nội dung: 3đ: HS viết được đoạn văn gồm các ý theo đúng yêu cầu nêu trong đề bài, có câu mở đoạn và kết đoạn. |
|
| + Kĩ năng: 3đ: Kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 0,5đ; Kĩ năng dùng từ, đặt câu, diễn đạt: 2đ; Sáng tạo: 0,5đ. |
|
| \*Lưu ý: Những bài văn viết quá số câu theo quy định thì không cho điểm tối đa. |
| GV linh hoạt trừ điểm cho phù hợp. |

**MẠCH NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA CUỐI KỲ I TIẾNG VIỆT LỚP 3. NĂM HỌC 2023-2024**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên nội dung các mạch kiến thức** | **Các mức độ nhận thức** | | |
| **Mức 1**  **(nhận biết, thông hiểu)** | **Mức 2**  **( Vận dụng)** | **Mức 3**  **( Vận dụng ở mức độ cao)** |
| **1. Đọc hiểu văn bản** | - Xác định được hình ảnh, nhân vật, chi tiết có ý nghĩa trong bài học  - Hiểu nội dung của đoạn, bài đã đọc, hiểu ý nghĩa của bài | - Giải thích được chi tiết trong bài bằng suy luận tực tiếp hoạt rút ra thông tin từ bài đọc. | Nhận xét được hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc; biết liên hệ những điều đọc được với bản thân và thực tế. |
| **2. Kiến thức Tiếng Việt** | - Nắm được đặc điểm của câu kể.  - Nhận biết được câu hỏi, câu cảm, câu khiến.  - Nhận biết các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.  - Nắm được tác dụng của dấu chấm, dấu hai chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.  - Nhận biết dược các từ ngữ thông dụng thuộc chủ điểm: Mùa hè, nhà trường, thư viện, người thân, bạn trong nhà, nghề nghiệp, thành thị, nông thôn.  - Ghép từ ngữ thành câu  - Đặt được câu kể  - Tìm hình ảnh so sánh trong đoạn thơ, đoạn văn.  - Vận dụng một trong các dấu câu để điền vào chỗ thích hợp trong câu văn đơn giản.  - Hiểu được nghĩa của một số từ trong từng chủ điểm đã học.  - Xác định được từ trái nghĩa trong các từ cho trước. | - Tìm được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.  - Biêt dùng một trong các dấu: dấu chấm, dấu hai chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than để điền vào chỗ trống trong đoạn văn ngắn.  - Tìm được thêm các từ ngữ thuộc các chủ điểm đã học.  - Phân biệt câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.  - Tìm được các cặp từ trái nghĩa. | - Biết sử dụng biện pháp so sánh để viết câu theo yêu cầu.  - Biết đặt câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.  - Phát hiện được các dấu câu đã học dùng sai trong một đoạn văn đơn giản và sửa lại cho đúng.  - Biết sử dụng một số từ thuộc các chủ điểm đã học để đặt câu cho phù hợp.  - Đặt câu có sử dụng biện pháp so sánh. |

**MẠCH NỘI DUNG KIẾN THỨC ĐỌC HIỂU CUỐI KỲ I- LỚP 3. NĂM HỌC 2023-2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mạch kiến thức** | **Số câu và số điểm** | **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | | **Tổng** | |  |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **Đọc hiểu văn bản**  - Xác định được hình ảnh, nhân vật, chi tiết có ý nghĩa trong bài đọc  - Hiểu nội dung của đoạn, bài đx đọc, hiểu ý nghĩa của bài.  - Giải thchs được chi tiết trong bài bằng suy luận trực tiết hoặc rút ra thông tin từ bài đọc.  - Nhận xét được hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc; biết liên hệ những điều đọc được với bản thân và thực tế. | **Số câu** | **2** |  | **1** |  |  | **1** |  |  |  |
| **Số điểm** | **1đ** |  | **0,5đ** |  |  | **0,5đ** |  |  |  |
| **Kiến thức Tiếng Việt**  - Các từ ngữ thông dụng thuộc chủ điểm: Mùa hè, nhà trường, thư viện, người thân, bạn trong nhà, nghề nghiệp, thành thị, nông thôn. **( 8 bài – 1 câu – 0,5đ) mức 1** | **Số câu** | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Số điểm** | **0,5đ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **- Biện pháp so sánh ( 2 bài – 1 câu; 1đ) mức 3** | **Số câu** |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  |
| **Số điểm** |  |  |  |  |  | **1đ** |  |  |  |
| **- Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm**  **(1câu – 0,5đ) mức 2** | **Số câu** |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |
| **Số điểm** |  |  | **0,5đ** |  |  |  |  |  |  |
| **- Các mẫu câu: Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến. ( 1 câu – 1đ) mức 3** | **Số câu** |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |
| **Số điểm** |  |  | **1đ** |  |  |  |  |  |  |
| **- Các dấu: dấu chấm, dấu hai chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than. ( 1 câu- 1đ) mức 2** | **Số câu** |  |  |  | **1** |  |  |  |  |  |
| **Số điểm** |  |  |  | **1đ** |  |  |  |  |  |
| **Tổng hợp** | **Số câu** | **3** |  | **3** | **1** |  | **2** | **7** | **2** | **9** |
| **Số điểm** | **1,5đ** |  | **2đ** | **1đ** |  | **1,5đ** | **4,5đ** | **1,5đ** | **6đ** |
|  | **Tỉ lệ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |